

CHƯƠNG 8: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

8.1. TÓM TẮT CÁC KẾT QUẢ CHÍNH

1. Các chỉ tiêu cơ bản về giáo dục và đào tạo từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 phản ánh một bức tranh khả quan về phổ cập giáo dục Việt Nam. Năm 2009, tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết là 93,5%. Trong nhóm dân số từ 5 tuổi trở lên, có 24,7% đang đi học, 70,2% đã thôi học và chỉ có 5,1% chưa bao giờ đến trường.
2. Các kết quả ước lượng ba chỉ số đo lường mức độ phổ cập giáo dục tiểu học ở Việt Nam có liên quan đến mục tiêu thứ 2 trong các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đều ở mức khả quan: 1) Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp tiểu học đạt 95,5%; 2) Tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đạt 88,2%; và 3) Tỷ lệ dân số 15-24 tuổi biết đọc, biết viết đạt 95,5%.
3. Việt Nam đã có bước tiến đáng kể nhằm đạt được mục tiêu thứ 3 trong các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ liên quan đến thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Sự thành công này được minh chứng bằng các kết quả cụ thể: tỷ số nữ trên nam đang học tiểu học, trung học và đại học trở lên lần lượt là 0,92, 0,95, và 1,01; tỷ số nữ trên nam 15-24 tuổi biết đọc biết viết là 1,0 và ổn định ở tất cả các vùng kinh tế - xã hội. Mặc dù vẫn còn khoảng cách giữa nam và nữ về tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết, nhưng khoảng cách này đã được thu hẹp đáng kể trong 20 năm qua (từ khoảng cách 10 điểm phần trăm năm 1989 xuống 7 điểm phần trăm năm 1999, và chỉ còn 4,4 điểm phần trăm năm 2009).
4. Sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn vẫn tồn tại trong lĩnh vực giáo dục. Số liệu phân tích theo thời gian cho thấy có sự cải thiện về tỷ lệ dân số tốt nghiệp THPT trở lên trong vòng 20 năm qua. Tuy nhiên, khoảng cách giữa thành thị và nông thôn (ở cả nam và nữ) có xu hướng gia tăng theo thời gian.
5. Giữa các vùng kinh tế - xã hội cũng có sự khác biệt. Số liệu cho thấy vùng Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là hai vùng tiến bộ hơn so với các vùng còn lại, đặc biệt là so với hai vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Sự khác biệt giữa nam và nữ trong giáo dục vẫn còn khá lớn. Đặc biệt ở hai vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, tỷ lệ nữ giới từ 15 tuổi trở lên không biết đọc biết viết ở nông thôn năm 2009 còn tương đương (thậm chí còn cao hơn) so với tỷ lệ này ở nam giới nông thôn 20 năm trước. Bên cạnh đó, Đồng bằng sông Cửu Long là nơi có các tỷ lệ như: tỷ lệ tốt nghiệp THPT trở lên, tỷ lệ được đào tạo nghề, tỷ lệ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng trở lên ở mức thấp nhất cả nước.
6. Sự khác biệt giữa các vùng về tỷ lệ nhập học đúng tuổi được quan sát thấy rõ rệt nhất ở các cấp học cao hơn. Nếu như ở cấp tiểu học, khoảng cách lớn nhất chỉ là 6 điểm phần trăm (giữa Đồng bằng sông Hồng và Trung du và miền núi phía Bắc) thì ở cấp THPT, khoảng cách lên tới 22,4 điểm phần trăm (giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long). Cấp học càng cao thì sự khác biệt về giới và sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị về tỷ lệ nhập học đúng tuổi càng lớn. Ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì khoảng cách giữa nông thôn/thành thị và giữa nam và nữ càng lớn.

7. Một xu hướng đáng quan tâm là các tỉnh phía Nam có tỷ lệ dân số trong độ tuổi 5-18 bỏ học cao hơn nhiều so với các tỉnh phía Bắc. Các tỉnh có tỷ lệ dân số trong độ tuổi 5-18 bỏ học thấp nhất là các tỉnh ở miền Bắc như Hà Nội (7,8%), Thái Bình (8,1%), Hải Dương (8,9%) và các tỉnh có tỷ lệ này cao nhất là các tỉnh ở miền Nam bao gồm Bình Dương (30,8%), Bạc Liêu (26,2%), An Giang (25,9%) và Sóc Trăng (25,8%).
8. Cũng quan sát thấy sự khác biệt lớn trong lĩnh vực giáo dục giữa dân tộc Kinh và các nhóm dân tộc ít người. Dân tộc Kinh có tỷ lệ biết đọc biết viết cao nhất (95,9%) và dân tộc Mông có tỷ lệ biết đọc biết viết thấp nhất (37,7%). Dân tộc Khmer có tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên đang đi học thấp nhất (17,5%). Đáng lưu ý là dân tộc Mông có tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên đang đi học cao nhất (27,6%) nhưng cũng có tỷ lệ dân số chưa bao giờ đến trường cao nhất (47,8%) so với các nhóm dân tộc khác. Các con số này chứng tỏ dấu hiệu tích cực của đầu tư về giáo dục cho một số nhóm dân tộc thiểu số. So sánh tỷ lệ nhập học đúng tuổi giữa nhóm dân tộc Kinh và các nhóm dân tộc ít người cho thấy Tày và Mường là hai dân tộc có chênh lệch ít nhất so với dân tộc Kinh, trong khi đó Khmer và Mông là hai dân tộc có các tỷ lệ nhập học đúng tuổi thấp nhất, đặc biệt ở các cấp học cao hơn như THCS và THPT, và có chênh lệch rất lớn so với dân tộc Kinh. Dân tộc Kinh có tỷ lệ dân số tốt nghiệp THCS trở lên cao nhất so với các dân tộc khác, tỷ lệ này thấp nhất ở dân tộc Mông.
9. Số liệu TĐTDS cho thấy tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao tương đối thấp, vào năm 2009 chỉ có 1,6% tốt nghiệp cao đẳng, 4,2% tốt nghiệp đại học và 0,21% tốt nghiệp thạc sỹ trở lên. Có 18,9% dân số Việt Nam từ 25 tuổi trở lên có trình độ học vấn bậc trung theo chuẩn phân loại quốc tế về giáo dục của UNESCO, trong khi đó, chỉ có 5,4% dân số từ 25 tuổi trở lên có trình độ học vấn bậc cao (đại học hoặc cao hơn).
10. Dự báo về số lượng học sinh, số giáo viên và lớp học cho thấy gánh nặng cho ngành giáo dục (cũng như toàn xã hội) vẫn còn khá lớn trong vòng 20 năm nữa. Theo kết quả dự báo, trong 10 năm tới số lượng học sinh bậc tiểu học sẽ vẫn tiếp tục có xu hướng tăng lên, và tương ứng là nhu cầu về số lớp học, số lượng giáo viên bậc tiểu học. Phải tới sau năm 2019, số lượng học sinh tiểu học mới có xu hướng giảm dần, tuy vậy, phải ít nhất hơn 20 năm nữa (sau năm 2029) thì số lượng học sinh tiểu học mới giảm xuống dưới mức như hiện nay. Ở bậc trung học cơ sở, số lượng học sinh đang có xu hướng giảm dần trong 10 năm tới. Tuy nhiên phải tới sau năm 2029 thì số lượng học sinh ở bậc này mới giảm rõ rệt.
11. Phân tích các mối quan hệ cho thấy:

Có mối quan hệ thuận chiều giữa điều kiện kinh tế-xã hội với cơ hội giáo dục của dân số. Các tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao (điển hình là Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên) cũng là các tỉnh có tỷ lệ dân số chưa bao giờ đến trường rất lớn.

Có mối liên quan giữa việc nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật với việc giảm nghèo. Các tỉnh có thu nhập của hộ gia đình càng cao thì có tỷ lệ dân số tốt nghiệp cao đẳng trở lên càng cao. Tương tự, các tỉnh có tỷ lệ dân số tốt nghiệp cao đẳng trở lên cao thì cũng là những tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn.

Tổng tỷ suất sinh có mối tương quan ngược chiều với tỷ lệ biết đọc biết viết. Các tỉnh có tỷ lệ dân số biết đọc biết viết càng thấp thì có tổng tỷ suất sinh càng cao. Bên cạnh đó, tuổi kết hôn trung bình lần đầu cũng có mối liên quan với trình độ đào tạo chuyên môn kỹ thuật. Các tỉnh có tuổi kết hôn trung bình lần đầu của nữ thấp cũng đồng thời cũng là các tỉnh có tỷ lệ tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên thấp.

8.2. NHỮNG HỆ LỤY VỀ CHÍNH SÁCH

1. Mối tương quan giữa tỷ lệ dân số có trình độ học vấn/trình độ chuyên môn kỹ thuật càng cao với thu nhập trung bình cao và tỷ lệ hộ nghèo thấp một lần nữa khẳng định sự quan tâm, đầu tư cho giáo dục sẽ có tác động đến sự phát triển kinh tế-xã hội.
2. Việt Nam đang đi đúng hướng trong tiến trình phấn đấu cho các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và những thành tựu mà Việt Nam đã đạt được trên hai khía cạnh phổ cập giáo dục tiểu học và bình đẳng giới là đáng khích lệ. Tuy nhiên, số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cho thấy vẫn còn khoảng cách lớn giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục tại các vùng kinh tế - xã hội, các tỉnh/thành phố. Đặc biệt, ở nông thôn và những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, phụ nữ thua kém hơn hẳn nam giới ở tất cả các chỉ số về giao dục, từ tình trạng biết đọc biết viết đến trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật. Vì vậy, nếu Chính phủ có những chính sách nhằm nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nông thôn và phụ nữ ở những tỉnh kém phát triển thì sẽ tạo ra những động lực làm giảm sự bất bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và làm tăng các chỉ số đánh giá của các tỉnh kém phát triển và của Việt Nam.
3. Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với tình trạng học vấn của các nhóm dân tộc ít người vẫn còn ở mức thấp. Các chương trình can thiệp đặt ưu tiên cao hơn cho nhóm dân số này sẽ giúp cải thiện được tình hình. Trước mắt, những nỗ lực giáo dục cần hướng tới việc tăng tỷ lệ nhập học đúng tuổi và phổ cập tiểu học cho nhóm dân tộc Thái, Khmer và Mông là các nhóm dân tộc có tỷ lệ nhập học bậc tiểu học rất thấp.
4. Mối tương quan giữa trình độ học vấn cao hơn với mức sinh thấp hơn và tuổi kết hôn trung bình lần đầu ở nữ cao hơn cho thấy nếu Chính phủ đạt được thành công trong việc nâng cao trình độ học vấn của người dân thì sẽ đóng góp vào công cuộc duy trì và bình ổn mức sinh thay thế. Ngược trở lại, những thành quả trong việc duy trì qui mô gia đình nhỏ sẽ mang lại nhiều cơ hội hơn cho phụ nữ, đặc biệt là những người có hoàn cảnh không thuận lợi, dân tộc thiểu số, khu vực nông thôn và người nghèo. Vấn đề này cần được tuyên truyền sâu rộng trong các chương trình vận động giảm sinh.
5. Trong 20 năm tới, gánh nặng của hệ thống giáo dục bậc tiểu học còn tiếp tục tăng. Điều này cần được tính đến trong các chiến lược quốc gia về giáo dục tiểu học. Gánh nặng lên hệ thống giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông đang có xu hướng giảm dần theo thời gian, mặc dù cũng phải sau năm 2029 mới giảm mạnh.
6. Thực trạng tỷ lệ dân số có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao rất thấp cho thấy chính phủ cần phải chú trọng hơn nữa tới hệ thống giáo dục đại học và đào tạo nghề. Đây sẽ là một động thái phù hợp để nắm bắt cơ hội mà cấu trúc dân số trẻ mang lại và tăng cường sức cạnh tranh của Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu.
7. Cần có những chuyên đề nghiên cứu sâu hơn về thực trạng giáo dục tại Đồng bằng sông Cửu Long. Với tỷ lệ dân số 5-18 tuổi bỏ học của các tỉnh trong vùng khá cao, tỷ lệ dân số tốt nghiệp THPT trở lên, tỷ lệ dân số được đào tạo nghề, tỷ lệ dân số có trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng trở lên thấp nhất cả nước là vấn đề đáng quan tâm, đòi hỏi Chính phủ cần có những chính sách thích hợp với vùng Đồng bằng sông Cửu Long để nâng cao hiện trạng giáo dục tại vùng này.
8. Cuối cùng, các kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 chủ yếu mang tính định lượng, chưa xét đến chất lượng của nền giáo dục Việt Nam, vì vậy cần có thêm nhiều nghiên cứu đánh giá về chất lượng giáo dục để giúp cho các nhà hoạch định chính sách đưa ra các quyết sách phù hợp.